

Điều tra thống kê  
thông thường theo  
Luật Thống kê



政府統計

秘

Việc điền và nộp phiếu điều tra có thể thực hiện qua internet.  
Chỉ tiết xin vui lòng tham khảo tài liệu kèm theo "Thông báo hợp tác  
và Hướng dẫn trả lời qua internet".

Cổng thông tin tổng hợp về điều tra thống kê trực tuyến của Chính  
phủ  
<https://www.e-survey.go.jp/>



Điều tra cơ bản năm 2025 về an sinh xã hội và các vấn đề dân số

# Điều tra toàn quốc về kết hôn và sinh con

Điều tra cơ bản về xu hướng sinh con lần thứ 17

[Bảng điều tra dành cho người đã kết hôn]

(Sự thật tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025)

## Thân chào tất cả các bạn tham gia điều tra

Cảm ơn bạn rất nhiều vì đã hợp tác tham gia cuộc điều tra này.

Cuộc điều tra này là cuộc điều tra mẫu trên toàn quốc do Viện nghiên cứu quốc gia về an sinh xã hội và các vấn đề dân số tiến hành nhằm xem xét tình hình hiện tại và các vấn đề liên quan đến kết hôn, sinh và nuôi con tại Nhật Bản. Đây sẽ là nguồn tài liệu quan trọng khi xem xét triển vọng và chính sách cho xã hội Nhật Bản trong tương lai. Các phản hồi cho bảng điều tra này sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích biên soạn thống kê và mọi mục đích sử dụng khác đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nội dung câu trả lời của bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ cho bất kỳ ai khác, vì vậy xin bạn yên tâm trả lời một cách trung thực.

(Chi tiết về cuộc điều tra được giải thích trên trang 13.)

Xin lưu ý rằng để phân phát và thu thập các bảng điều tra (trong phong bì niêm phong), điều tra viên do tỉnh trưởng (hoặc thị trưởng, quận trưởng) chỉ định sẽ đến nhà các bạn. Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng hỏi điều tra viên.

## Yêu cầu khi điền

- Bảng điều tra này dành cho những phụ nữ dưới 55 tuổi đã kết hôn tính đến ngày 30 tháng 6 và họ được yêu cầu trả lời các câu hỏi về cuộc hôn nhân của mình. ("đã kết hôn" có nghĩa là có vợ/chồng, bất kể đã đăng ký hay chưa).
- Vui lòng điền vào phiếu bằng bút bi đen hoặc bút chì, về các sự thật tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.
- Có hai cách trả lời, một là khoanh tròn số đúng với bạn, hai là ghi thông tin cần thiết.
- Vui lòng cho bảng điều tra đã trả lời vào phong bì dùng cho thu lại bảng điều tra, dán mép lại và đưa cho điều tra viên. Phong bì sẽ được chuyển nguyên vẹn đến Viện nghiên cứu quốc gia về an sinh xã hội và các vấn đề dân số và tuyệt đối không được mở trong suốt quá trình này.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi  
Viện nghiên cứu quốc gia về an  
sinh xã hội và các vấn đề dân số  
Tầng 6 Tòa nhà Hibiya Kokusai, 2-2-3  
Uchisaiwaicho, Chiyoda-ku, Tokyo  
<https://www.ipss.go.jp>

| Ô điền điều tra viên |  |  |  |  |  |  |
|----------------------|--|--|--|--|--|--|
| Tỉnh                 |  |  |  |  |  |  |
| Trung tâm y tế       |  |  |  |  |  |  |
| Mã khu vực           |  |  |  |  |  |  |



Câu.1 Vui lòng khoanh tròn số đúng với vợ chồng bạn và điền số vào ô gạch dưới đối với (1) Năm tháng sinh, (2) Năm tháng bắt đầu cuộc sống hôn nhân, (3) Năm tháng các bạn đăng ký kết hôn và (4) Kết hôn lần đầu hay tái hôn và số lần tái hôn của vợ chồng bạn.

|       | (1) Năm tháng sinh                     | (2) Năm tháng bắt đầu cuộc sống hôn nhân           | (3) Năm tháng đăng ký kết hôn                                                                                   | (4) Kết hôn lần đầu hay tái hôn                                               |
|-------|----------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Bạn   | 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Dương lịch | 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Reiwa<br>4. Dương lịch | 1. Cùng lúc với khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân<br>2. Đã đăng ký vào năm tháng dưới đây<br>3. (Vẫn) chưa đăng ký | 1. Kết hôn lần đầu<br>2. Tái hôn sau khi ly hôn<br>3. Tái hôn sau khi góa bụa |
| Chồng | 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Dương lịch | 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Reiwa<br>4. Dương lịch | 1. Cùng lúc với khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân<br>2. Đã đăng ký vào năm tháng dưới đây<br>3. (Vẫn) chưa đăng ký | 1. Kết hôn lần đầu<br>2. Tái hôn sau khi ly hôn<br>3. Tái hôn sau khi góa bụa |

Câu.2 Vợ chồng bạn (1) Quen biết nhau lần đầu tiên khi nào? (2) Khi nào bạn đồng ý đính hôn hoặc kết hôn? Ngoài ra, (3) Bạn có sống thử với nhau một thời gian trước khi kết hôn không?

| (1) Năm tháng các bạn quen biết nhau lần đầu tiên  | (2) Năm tháng đồng ý đính hôn hoặc kết hôn         | (3) Có hay không có thời gian sống thử* |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Reiwa<br>4. Dương lịch | 1. Showa<br>2. Heisei<br>3. Reiwa<br>4. Dương lịch | 1. Không có<br>2. Có                    |

\*Thời gian sống thử là khoảng thời gian hai bạn chung sống với nhau trước khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân.

Câu.3 Vợ chồng bạn quen biết nhau như thế nào? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn.

| Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                            |                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1. Tại trường học                                                                        | 7. Tại một công ty mai mối (bao gồm trực tuyến)   |
| 2. Liên quan đến nơi làm việc và công việc                                               | 8. Trong thành phố hoặc ở nơi du lịch             |
| 3. Quan hệ quen biết thời thơ ấu/học                                                     | 9. Khi làm thêm                                   |
| 4. Thông qua các hoạt động câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa, học thêm ngoài trường học | 10. (Ngoài những điều trên) Trên mạng (Internet)* |
| 5. Thông qua bạn bè và anh chị em                                                        | 11. Khác                                          |
| 6. Thông qua mai mối (bao gồm cả sự giới thiệu của người thân/cấp trên, v.v.)            |                                                   |

\*"Trên mạng (Internet)" chỉ việc quen biết ai đó thông qua trao đổi trên mạng xã hội, trang web, ứng dụng, v.v.

Câu.4 Vui lòng khoanh tròn số áp dụng cho quốc tịch của bạn và vợ/chồng bạn, và nếu bạn là người nước ngoài, vui lòng viết năm và tháng đầu tiên bạn cư trú tại Nhật Bản.

|       | 1. Nhật Bản<br>2. Nước ngoài                                        |
|-------|---------------------------------------------------------------------|
| Bạn   | (Năm tháng cư trú đầu tiên tại Nhật Bản)<br>Dương lịch<br>Năm tháng |
| Chồng | (Năm tháng cư trú đầu tiên tại Nhật Bản)<br>Dương lịch<br>Năm tháng |

Câu.5 Vui lòng khoanh tròn số đúng với vợ chồng bạn về (1) Tình trạng theo học/tốt nghiệp (nếu đã tốt nghiệp, hãy điền tuổi tốt nghiệp vào dòng gạch dưới) và (2) Về trường học đó.

|       | (1) Tình trạng theo học/tốt nghiệp                                                                                                    | (2) Người đang theo học→ Trường hiện đang theo học<br>Người đã tốt nghiệp→ Trường đã tốt nghiệp gần đây nhất                                                                                                                                                                                                                            |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bạn   | Khoanh tròn số đúng với các bạn                                                                                                       | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|       | 1. Hiện đang theo học (bao gồm đang<br>nghỉ học, v.v.)<br><div>Tuổi tốt nghiệp trường<br/>gần đây nhất<br/>( ) tuổi<br/>Điền số</div> | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT học chung nam<br>3. Trường THPT riêng cho nam<br>hoặc nữ<br>4. Trường dạy nghề chuyên<br>nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt<br>nghiệp THPT)<br>5. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ<br>thuật<br>6. Đại học dành cho nữ sinh<br>7. Đại học học chung nam nữ<br>8. Chương trình sau đại học<br>9. Khác ( ) |
| Chồng | Khoanh tròn số đúng với các bạn                                                                                                       | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|       | 1. Hiện đang theo học (bao gồm đang<br>nghỉ học, v.v.)<br><div>Tuổi tốt nghiệp trường<br/>gần đây nhất<br/>( ) tuổi<br/>Điền số</div> | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT học chung nam nữ<br>3. Trường THPT riêng cho nam<br>hoặc nữ<br>4. Trường dạy nghề chuyên<br>nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt<br>nghiệp THPT)<br>5. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ<br>thuật<br>6. Trường đại học<br>7. Chương trình sau đại học<br>8. Khác ( )                                       |

※ Nếu bạn đã theo học trường dạy nghề, v.v. sau khi tốt nghiệp đại học hoặc chương trình sau đại học (5-8), vui lòng trả lời rằng đại học hoặc chương trình sau đại học là "Trường đã tốt nghiệp gần đây nhất".  
※ Nếu bạn bỏ học giữa chừng, vui lòng trả lời trường bạn đã tốt nghiệp trước đó là "Trường đã tốt nghiệp gần đây nhất".

Câu.6 Chúng tôi sẽ hỏi về tình trạng công việc trong nhiều giai đoạn khác nhau của vợ chồng bạn. Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với vợ chồng bạn ở ô trả lời cho mỗi mục sau: (1) Tình trạng công việc, (2) Nghề nghiệp và (3) Số lượng nhân viên tại nơi làm việc trong từng giai đoạn từ a đến g sau đây (nếu có nhiều công việc, công việc chính là đối tượng được trả lời).

|       | Giai đoạn được hỏi                               | (1) Tình trạng công việc※1 | (2) Loại nghề nghiệp                  | (3) Số lượng nhân viên tại nơi làm việc (Bao gồm trụ sở chính và các chi nhánh) |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|-------|--------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|--------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
|       |                                                  | 1<br>Nhân viên chính quy   | 2<br>Công việc bán thời gian/làm thêm | 3<br>Không có việc làm/làm việc nhà                                             | 4<br>Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà | 5<br>Nhân viên tạm thời/tư vấn/nộp đơn | 6<br>Sinh viên | 7<br>Chưa yếu là nông lâm ngư nghiệp | 1<br>Chưa yếu là nông lâm ngư nghiệp | 2<br>Tư kinh doanh ngoài nông lâm ngư nghiệp | 3<br>Công việc chuyên môn | 4<br>Công việc quản lý | 5<br>Công việc hành chính văn phòng | 6<br>Công việc bán hàng và dịch vụ | 7<br>Công việc tại địa điểm như nhà máy, v.v. | 1<br>1 đến 9 người | 2<br>10 đến 29 người | 3<br>30 đến 99 người | 4<br>100 đến 299 người | 5<br>300 đến 999 người |
| Bạn   | a. Ngay sau khi tốt nghiệp trường gần đây nhất※2 | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|       | b. Khi đã quyết định cuộc hôn nhân hiện tại      | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|       | c. Ngay sau khi kết hôn                          | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|       | d. Hiện tại                                      | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
| Chồng | e. Ngay sau khi tốt nghiệp trường gần đây nhất※2 | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|       | f. Khi tôi quyết định kết hôn với bạn            | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |
|       | g. Hiện tại                                      | <div>1 2 3 4 5 6</div>     | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>              | <div>1 2 3 4 5 6 7</div>                                                        |                                                                                                |                                        |                |                                      |                                      |                                              |                           |                        |                                     |                                    |                                               |                    |                      |                      |                        |                        |

※ 1 Nếu bạn đang nghỉ thai sản hoặc nghỉ chăm sóc con, bạn sẽ được coi là đang làm việc. Vui lòng khoanh tròn tình trạng công việc trước khi nghỉ việc.  
※ 2 Nếu bạn đang theo học, vui lòng điền tình trạng ngay sau khi tốt nghiệp trường trước đó.

Câu.7 Vui lòng điền số tương ứng vào (1) đến (4) sau đây về công việc hiện tại của vợ chồng bạn (Có thu nhập. Nếu có nhiều công việc, thì đối tượng trả lời là công việc chính) và khoanh tròn 1 số đúng với vợ chồng bạn đối với (5).

|                                                                           | Về công việc của bạn<br>(Vui lòng điền nếu bạn đang làm việc có thu nhập)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Về công việc của chồng<br>(Vui lòng điền nếu bạn đang làm việc có thu nhập)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) Số giờ lao động trung bình 1 ngày làm việc                            | Trung bình 1 ngày <input type="text"/> giờ <input type="text"/> phút<br>< Vui lòng điền số giờ lao động trung bình, bao gồm giờ làm việc ngoài giờ. >                                                                                                                                                                                                                                         | Trung bình 1 ngày <input type="text"/> giờ <input type="text"/> phút                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| (2) Số ngày lao động trung bình 1 tuần                                    | Trung bình 1 tuần <input type="text"/> ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Trung bình 1 tuần <input type="text"/> ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| (3) Số năm làm việc liên tục hoặc số năm liên tục của công việc hiện tại※ | Khoảng <input type="text"/> năm (Nếu thời gian dưới 1 năm, vui lòng nhập 1 năm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Khoảng <input type="text"/> năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| (4) Thu nhập trong tháng 5 năm nay                                        | Gồm thuế Khoảng <input type="text"/> triệu yên<br>< Trong trường hợp thu nhập từ kinh doanh, vui lòng điền số tiền sau khi lấy doanh số trừ các khoản chi phí khác nhau. Tương tự như vậy với phần (5) sau đây. >                                                                                                                                                                             | Gồm thuế Khoảng <input type="text"/> triệu yên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| (5) Thu nhập trong năm của năm ngoái (năm 2024)                           | Gồm thuế<br>0. 10.000 đến 990.000 yên<br>1. 1 triệu đến 1,99 triệu yên<br>2. 2 triệu đến 2,99 triệu yên<br>3. 3 triệu đến 3,99 triệu yên<br>4. 4 triệu đến 4,99 triệu yên<br>5. 5 triệu đến 5,99 triệu yên<br>6. 6 triệu đến 6,99 triệu yên<br>7. 7 triệu đến 7,99 triệu yên<br>8. 8 triệu đến 8,99 triệu yên<br>9. 9 triệu đến 9,99 triệu yên<br>10. Từ 10 triệu yên trở lên<br>11. Không có | Gồm thuế<br>0. 10.000 đến 990.000 yên<br>1. 1 triệu đến 1,99 triệu yên<br>2. 2 triệu đến 2,99 triệu yên<br>3. 3 triệu đến 3,99 triệu yên<br>4. 4 triệu đến 4,99 triệu yên<br>5. 5 triệu đến 5,99 triệu yên<br>6. 6 triệu đến 6,99 triệu yên<br>7. 7 triệu đến 7,99 triệu yên<br>8. 8 triệu đến 8,99 triệu yên<br>9. 9 triệu đến 9,99 triệu yên<br>10. Từ 10 triệu yên trở lên<br>11. Không có |

※ Vui lòng viết số năm kể từ khi bạn bắt đầu làm việc tại nơi làm việc đó, chứ không phải kể từ khi bạn trở lại làm việc sau khi nghỉ việc hoặc được chuyển sang công việc khác trong công ty.

● **Câu tiếp theo xin được hỏi người hiện không có công việc.**  
**Nếu bạn có công việc có thu nhập (bao gồm những người đang nghỉ chăm sóc con), vui lòng chuyển sang câu 9.**

Câu.8 Trong tương lai, (1) Bạn có muốn làm công việc có thu nhập không? Nếu muốn làm việc thì (2) Bạn muốn làm công việc như thế nào? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn.

| (1)Có hay không có mong muốn làm việc                                                  | (2)Hình thái việc làm mong muốn                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                          | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                                |
| 1. Tôi muốn làm việc ngay lập tức                                                      | 1. Nhân viên chính quy                                                                       |
| 2. Tôi muốn làm việc sau một thời gian<br>↳ Khoảng ( ) năm sau                         | 2. Công việc bán thời gian/làm thêm                                                          |
| 3. Tôi không có mong muốn thời gian cụ thể nhưng tôi muốn làm việc vào một ngày nào đó | 3. Nhân viên tạm thời/ủy thác/hợp đồng                                                       |
| 4. Tôi không có dự định làm việc trong tương lai                                       | 4. Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà |
| 5. Khác ( )                                                                            |                                                                                              |

● **Xin được hỏi tất cả mọi người về số con của vợ chồng bạn.**

Câu.9 Chúng tôi sẽ hỏi về con cái của vợ chồng bạn. Vui lòng điền số người tương ứng vào ô gạch dưới bên dưới.

| Các con đã sinh ra cho đến nay<br>※Không bao gồm trường hợp thai chết lưu. | Tổng cộng là                            | Con trai                                | Con gái                                 |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                                            | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 |
| → Trong số đó, các con còn sống là                                         | Tổng cộng là                            | Con trai                                | Con gái                                 |
|                                                                            | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 | ( ) người<br>Nếu không có ai thì điền 0 |

● Từ đây trở đi, xin được hỏi về những vấn đề liên quan đến việc mang thai và sinh con của vợ chồng bạn.  
Mặc dù nội dung có phần đi sâu vào riêng tư, chúng tôi mong bạn hiểu mục đích của cuộc điều tra và hợp tác trả lời.

Câu.10 Vui lòng điền trong ngoặc đơn số lần mang thai của vợ chồng bạn cho đến nay.

Mang thai ( ) lần

Nếu chưa từng có kinh nghiệm mang thai, hãy điền 0

● Xin được hỏi những người có kinh nghiệm mang thai. Nếu bạn không có kinh nghiệm mang thai, vui lòng chuyển sang câu 12.

Câu.11 Đối với tất cả lần mang thai và sinh con mà vợ chồng bạn đã trải qua, vui lòng khoanh tròn số đúng với bạn và điền số người, năm tháng, tuổi vào các ô gạch dưới cho (1) Kết quả mang thai, (2) Thời gian mang thai/sinh con và (3) Dự định trước khi mang thai.

|                        | (1) Kết quả mang thai                                                                                                                                                                                                                                      | (2) Thời gian mang thai/sinh con                                                                                                                                       | (3) Dự định trước khi mang thai                                                                                                                                                  |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | ●Chúng tôi sẽ hỏi về cuộc sống của bạn trước cuộc hôn nhân hiện tại trong một câu hỏi riêng phía sau.                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                  |
| Mang thai lần đầu tiên | 1. Sinh → <div><div>1. Con trai<br/>2. Con gái<br/>3. Sinh đôi hoặc<br/>nhiều hơn</div><div>Con trai ( ) người<br/>Con gái ( ) người</div></div><br>2. Sảy thai (bao gồm thai chết lưu)<br>3. Phá thai bằng thuốc hoặc thủ thuật<br>4. Hiện đang mang thai | <div>[1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch]</div> <div>Sinh vào năm tháng</div><br>Khi bạn ( ) tuổi<br>[1. Reiwa 2. Dương lịch]<br>Dự kiến sinh con vào năm tháng | <i>Khi Mang thai lần đầu tiên</i><br>1. Tôi muốn sớm có con<br>2. Tôi vẫn chưa có dự định mang thai<br>3. Tôi không dự định mang thai nữa<br>4. Chúng tôi không nghĩ gì đặc biệt |
| Mang thai lần thứ 2    | 1. Sinh → <div><div>1. Con trai<br/>2. Con gái<br/>3. Sinh đôi hoặc<br/>nhiều hơn</div><div>Con trai ( ) người<br/>Con gái ( ) người</div></div><br>2. Sảy thai (bao gồm thai chết lưu)<br>3. Phá thai bằng thuốc hoặc thủ thuật<br>4. Hiện đang mang thai | <div>[1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch]</div> <div>Sinh vào năm tháng</div><br>Khi bạn ( ) tuổi<br>[1. Reiwa 2. Dương lịch]<br>Dự kiến sinh con vào năm tháng | <i>Khi Mang thai lần thứ 2</i><br>1. Tôi muốn sớm có con<br>2. Tôi vẫn chưa có dự định mang thai<br>3. Tôi không dự định mang thai nữa<br>4. Chúng tôi không nghĩ gì đặc biệt    |
| Mang thai lần thứ 3    | 1. Sinh → <div><div>1. Con trai<br/>2. Con gái<br/>3. Sinh đôi hoặc<br/>nhiều hơn</div><div>Con trai ( ) người<br/>Con gái ( ) người</div></div><br>2. Sảy thai (bao gồm thai chết lưu)<br>3. Phá thai bằng thuốc hoặc thủ thuật<br>4. Hiện đang mang thai | <div>[1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch]</div> <div>Sinh vào năm tháng</div><br>Khi bạn ( ) tuổi<br>[1. Reiwa 2. Dương lịch]<br>Dự kiến sinh con vào năm tháng | <i>Khi Mang thai lần thứ 3</i><br>1. Tôi muốn sớm có con<br>2. Tôi vẫn chưa có dự định mang thai<br>3. Tôi không dự định mang thai nữa<br>4. Chúng tôi không nghĩ gì đặc biệt    |
| Mang thai lần thứ 4    | 1. Sinh → <div><div>1. Con trai<br/>2. Con gái<br/>3. Sinh đôi hoặc<br/>nhiều hơn</div><div>Con trai ( ) người<br/>Con gái ( ) người</div></div><br>2. Sảy thai (bao gồm thai chết lưu)<br>3. Phá thai bằng thuốc hoặc thủ thuật<br>4. Hiện đang mang thai | <div>[1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch]</div> <div>Sinh vào năm tháng</div><br>Khi bạn ( ) tuổi<br>[1. Reiwa 2. Dương lịch]<br>Dự kiến sinh con vào năm tháng | <i>Khi Mang thai lần thứ 4</i><br>1. Tôi muốn sớm có con<br>2. Tôi vẫn chưa có dự định mang thai<br>3. Tôi không dự định mang thai nữa<br>4. Chúng tôi không nghĩ gì đặc biệt    |
| Mang thai lần thứ 5    | 1. Sinh → <div><div>1. Con trai<br/>2. Con gái<br/>3. Sinh đôi hoặc<br/>nhiều hơn</div><div>Con trai ( ) người<br/>Con gái ( ) người</div></div><br>2. Sảy thai (bao gồm thai chết lưu)<br>3. Phá thai bằng thuốc hoặc thủ thuật<br>4. Hiện đang mang thai | <div>[1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch]</div> <div>Sinh vào năm tháng</div><br>Khi bạn ( ) tuổi<br>[1. Reiwa 2. Dương lịch]<br>Dự kiến sinh con vào năm tháng | <i>Khi Mang thai lần thứ 5</i><br>1. Tôi muốn sớm có con<br>2. Tôi vẫn chưa có dự định mang thai<br>3. Tôi không dự định mang thai nữa<br>4. Chúng tôi không nghĩ gì đặc biệt    |

※ Nếu bạn có kinh nghiệm mang thai từ 6 lần trở lên, bạn chỉ cần điền đến thông tin của lần thứ 5.

● Xin được hỏi tất cả mọi người. ※Câu trả lời cho những câu hỏi từ đây trở đi sẽ là nguồn tài liệu cần thiết giúp nắm bắt tình hình thực tế trên toàn quốc của các cặp vợ chồng đang gặp lo lắng về vấn đề vô sinh và để xem xét các chính sách.

Câu.12 Chúng tôi sẽ hỏi về việc vợ chồng bạn có hay không có quan hệ tình dục trong 1 tháng qua và về việc tránh thai.

|                                                        |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) Có hay không có quan hệ tình dục trong 1 tháng qua | (2) Thực hiện tránh thai<br>Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                                                                                                 | (3) Phương pháp tránh thai<br>Khoanh tròn tất cả số đúng với bạn                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1. Có<br>2. Không có                                   | 1. Hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai (bao gồm triệt sản)<br>2. Trước đây có tránh thai nhưng hiện thì không<br>3. Cho đến nay chưa từng sử dụng biện pháp tránh thai | 1. Bao cao su<br>2. Tinh ngày rụng trứng theo Ogino-Knauss/phương pháp đo thân nhiệt cơ bản<br>3. Dụng cụ tử cung (vòng, cuộn, vòng ngoài ngoài)<br>4. Thuốc viên (thuốc tránh thai dạng uống)<br>5. Tránh khai khi giao hợp (xuất tinh ngoài âm đạo)<br>6. Triệt sản nam<br>7. Triệt sản nữ<br>8. Khác ( ) |

Câu.13 Vợ chồng bạn có bất an hay lo lắng về vấn đề vô sinh không? Ngoài ra, các bạn có kinh nghiệm điều trị vô sinh không?  
Vui lòng khoanh tròn từng số đúng với các bạn.

|                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) Có hay không có lo lắng (Chỉ khoanh tròn 1 lựa chọn)                                                                                                          | (2) Có hay không có kinh nghiệm điều trị vô sinh (Chỉ khoanh tròn 1 lựa chọn)                                                                     |
| 1. Chưa từng lo lắng về việc không thể có con<br>2. Trước đây đã từng lo lắng về việc chắc không thể có con<br>3. Hiện đang lo lắng về việc chắc không thể có con | 1. Có lo lắng nhưng chưa từng đi cơ sở y tế cụ thể nào<br>2. Trước đây đã từng xét nghiệm và điều trị<br>3. Hiện đang được xét nghiệm và điều trị |

● Xin được hỏi những người đã trả lời "2. Trước đây đã từng xét nghiệm và điều trị" hoặc "3. Hiện đang được xét nghiệm và điều trị" ở câu hỏi trước (câu 13(2)) liên quan đến điều trị vô sinh.

Câu.14 (1) Bạn đã có con sau khi điều trị vô sinh? Nếu bạn có con, vui lòng trả lời về (2) Người con tương ứng theo từng nội dung điều trị.

|                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                          |                 |                         |              |                         |                                        |                 |              |              |                         |
|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------------------|----------------------------------------|-----------------|--------------|--------------|-------------------------|
| (1) Bạn đã có con sau khi điều trị?<br>(Khoanh tròn 1 số đúng với bạn) | (2) Phương pháp điều trị vô sinh đã thực hiện và người con tương ứng<br>(Khoanh tròn tất cả người con đúng với phương pháp đó)                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                          |                 |                         |              |                         |                                        |                 |              |              |                         |
| 1. Không<br>2. Có                                                      | <table border="1"> <tr> <td>Thụ tinh trong ống nghiệm, tiêm tinh trùng vào bào tương</td> <td>1. Con đầu lòng</td> <td>2. Con thứ 2</td> <td>3. Con thứ 3</td> <td>4. Từ con thứ 4 trở lên</td> </tr> <tr> <td>Các phương pháp điều trị vô sinh khác※</td> <td>1. Con đầu lòng</td> <td>2. Con thứ 2</td> <td>3. Con thứ 3</td> <td>4. Từ con thứ 4 trở lên</td> </tr> </table> | Thụ tinh trong ống nghiệm, tiêm tinh trùng vào bào tương | 1. Con đầu lòng | 2. Con thứ 2            | 3. Con thứ 3 | 4. Từ con thứ 4 trở lên | Các phương pháp điều trị vô sinh khác※ | 1. Con đầu lòng | 2. Con thứ 2 | 3. Con thứ 3 | 4. Từ con thứ 4 trở lên |
| Thụ tinh trong ống nghiệm, tiêm tinh trùng vào bào tương               | 1. Con đầu lòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2. Con thứ 2                                             | 3. Con thứ 3    | 4. Từ con thứ 4 trở lên |              |                         |                                        |                 |              |              |                         |
| Các phương pháp điều trị vô sinh khác※                                 | 1. Con đầu lòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2. Con thứ 2                                             | 3. Con thứ 3    | 4. Từ con thứ 4 trở lên |              |                         |                                        |                 |              |              |                         |

※ Các phương pháp điều trị vô sinh khác: Phương pháp tính thời gian, kích thích rụng trứng, thụ tinh nhân tạo và các phương pháp điều trị và phẫu thuật vô sinh khác cho nam và

● Từ đây xin được hỏi tất cả mọi người về suy nghĩ của bạn về việc có con.

Câu.15 Đối với vợ chồng bạn, (1) Số con lý tưởng là bao nhiêu? Ngoài ra, (2) Bạn có lý tưởng gì về số lượng trai gái không?  
Vui lòng khoanh tròn số đúng với các bạn và nếu các bạn có lý tưởng về số lượng trai gái, vui lòng điền số con trai và số con gái vào các ô gạch dưới.

|                                                                                                                 |                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| (1) Số con lý tưởng                                                                                             | (2) Lý tưởng về số lượng trai gái                   |
| 0. Không muốn có con<br>1. 1 người<br>2. 2 người<br>3. 3 người<br>4. 4 người<br>5. Từ 5 người trở lên ( ) người | 1. Có lý tưởng<br>2. Không có lý tưởng đặc biệt nào |

● Xin được hỏi những người đã trả lời ở câu hỏi trước (câu 15(1)) rằng số con lý tưởng là từ 1 người trở lên (người đã khoanh tròn từ 1 đến 5).

Câu.16 Lý do bạn nghĩ số con lý tưởng là từ 1 người trở lên là gì? Trong số các lý do dưới đây, vui lòng khoanh tròn tất cả số đúng với bạn, sau đó đánh dấu lý do quan trọng nhất trong số đó bằng dấu ⊙.

|                                                                                      |                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Khoanh tròn tất cả các số đúng với bạn và đánh dấu lý do quan trọng nhất bằng dấu ⊙. |                                                                                 |
| 1. Vì kết hôn và có con là điều tự nhiên                                             | 6. Vì con cái giúp ổn định quan hệ vợ chồng                                     |
| 2. Vì có con sẽ giúp tôi được mọi người xung quanh công nhận                         | 7. Vì tôi muốn có con với người tôi yêu                                         |
| 3. Vì có con làm cuộc sống vui vẻ hơn và làm giàu tâm hồn                            | 8. Chồng, Vì những người xung quanh tôi, chẳng hạn như hoặc cha mẹ muốn như thế |
| 4. Vì con cái sẽ hỗ trợ tôi lúc về già                                               | 9. Khác ( )                                                                     |
| 5. Vì trẻ em là xương sống của xã hội trong tương lai                                |                                                                                 |

● Xin được hỏi tất cả mọi người.

Câu.17 Chúng tôi sẽ hỏi về dự định về con cái sau này của vợ chồng bạn. Vui lòng khoanh tròn số đúng với bạn về (1) Số con và (2) Thời gian muốn có. Nếu bạn đã trả lời “Sau một thời gian” ở (2), vui lòng điền (3) Tuổi mà bạn muốn có người con tiếp theo vào ô gạch dưới.

| (1)Dự định về con cái sau này<br>(Bao gồm cả phụ nữ hiện đang mang thai)                                                                                                                                                                                                     | (2)Thời gian bạn muốn có con                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoanh tròn 1 số đúng với bạn<br>0. Tôi không (còn) dự định sinh con nữa<br>1. Tôi dự định sẽ sinh (thêm) 1 người con nữa<br>2. Tôi dự định sẽ sinh (thêm) 2 người con nữa<br>3. Tôi dự định sẽ sinh (thêm) 3 người con nữa<br>4. Tôi dự định sẽ sinh (thêm) 4 người con nữa | 1. Sớm nhất có thể<br>2. Sau một thời gian<br>└─ (3) Tuổi mà bạn muốn có người con tiếp theo<br>Khi bạn khoảng (    ) tuổi<br>3. Tôi không nghĩ gì đặc biệt<br>4. Hiện đang mang thai |

Câu.18 Nếu vậy vợ chồng bạn dự định sẽ có tổng cộng bao nhiêu con?

|                    |                                    |
|--------------------|------------------------------------|
| 0. Sẽ không có con | 3. 3 người                         |
| 1. 1 người         | 4. 4 người                         |
| 2. 2 người         | 5. Từ 5 người trở lên (    ) người |

※ Vui lòng trả lời số con bạn dự định có (đã có) từ cuộc hôn nhân hiện tại?

● Xin được hỏi những người dự định sinh từ 1 người con trở lên trong tương lai (người đã trả lời “Từ 1 người trở lên” ở câu 17(1)).

Câu.19 Nếu bạn không thể có đủ số con như dự định trong tương lai, theo bạn có khả năng lớn nguyên nhân đó là gì? Vui lòng khoanh tròn tất cả số đúng với bạn.

| Nguyên nhân (khả năng) không thể có đủ số con mà bạn dự định sinh                  |
|------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoanh tròn tất cả số đúng với bạn                                                 |
| 1. Thu nhập không ổn định                                                          |
| 2. Hoàn cảnh công việc của bạn hoặc chồng bạn (công việc hoặc kinh doanh gia đình) |
| 3. Không có ai hợp tác giúp việc nhà hoặc chăm sóc con cái                         |
| 4. Không có nơi để gửi con, chẳng hạn như nhà trẻ, v.v.                            |
| 5. Bạn rộn với những người con tôi hiện có                                         |
| 6. Không thể có con vì lý do tuổi tác hoặc sức khỏe                                |
| 7. Khác (    )                                                                     |
| 8. Khả năng không thể có đủ số con mà tôi dự định sinh là thấp                     |

● Xin được hỏi những người có số con dự định có (câu trả lời cho câu 18) có ít hơn số con lý tưởng (câu trả lời cho câu 15(1)).

Câu.20 Tại sao số con mà bạn dự định có lại ít hơn số con lý tưởng? Trong số các lý do dưới đây, vui lòng khoanh tròn tất cả số đúng với bạn, sau đó đánh dấu lý do quan trọng nhất trong số đó bằng dấu ◎.

|                                                                                      |                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoanh tròn tất cả các số đúng với bạn và đánh dấu lý do quan trọng nhất bằng dấu ◎. | 1. Vì nuôi và giáo dục con tốn quá nhiều tiền                                                       |
|                                                                                      | 2. Vì nhà nhỏ                                                                                       |
|                                                                                      | 3. Vì việc có con ảnh hưởng đến việc làm của tôi (công việc hoặc kinh                               |
|                                                                                      | 4. Vì đây không phải là môi trường mà trẻ em có thể lớn lên một cách tự                             |
|                                                                                      | 5. Vì tôi muốn trân trọng cuộc sống của tôi và vợ chồng tôi                                         |
|                                                                                      | 6. Vì tôi không muốn sinh con khi đã lớn tuổi                                                       |
|                                                                                      | 7. Vì tôi không thể chịu đựng được gánh nặng về tinh thần và thể chất của việc chăm sóc con cái nữa |
|                                                                                      | 8. Vì lý do sức khỏe                                                                                |
|                                                                                      | 9. Vì dù tôi muốn nhưng không thể                                                                   |
|                                                                                      | 10. Vì tôi không nhận được sự hợp tác từ chồng trong việc nhà và chăm sóc                           |
|                                                                                      | 11. Vì chồng tôi không muốn                                                                         |
|                                                                                      | 12. Vì tôi muốn người con út trưởng thành trước khi chồng tôi nghỉ hưu                              |
|                                                                                      | 13. Khác (    )                                                                                     |

Từ đây, xin được hỏi về tình hình của giai đoạn chăm sóc người con bạn đã sinh từ cuộc hôn nhân hiện tại.  
 Nếu bạn không có con, vui lòng chuyển sang câu 25.

Câu.21 Chúng tôi sẽ hỏi về tình trạng công việc của bạn khi vợ chồng bạn đã có con.  
 Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn cho mỗi mục: (1) Tình trạng công việc, (2) Số lượng nhân viên tại nơi làm việc trong từng giai đoạn từ a đến g sau đây.

| Đổi tượng được hỏi<br>↓    | Giai đoạn được hỏi<br>↓                                                                                    | (1)Tình trạng công việc※1                                                                  |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | (2)Số lượng nhân viên tại nơi làm việc<br>(Bao gồm trụ sở chính và các chi nhánh) |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|
|                            |                                                                                                            | 1<br>Nhân viên chính quy                                                                   | 2<br>Công việc bán thời gian/làm 1 | 3<br>Nhân viên tạm thời/ủy thác/hợp đồng | 4<br>Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà | 5<br>Không có việc làm/làm việc nhà | 6<br>Sinh viên | 1<br>đến 9 người                                                                  | 2<br>10 đến 29 người | 3<br>30 đến 99 người | 4<br>100 đến 299 người | 5<br>300 đến 999 người | 6<br>Từ 1.000 người trở lên | 7<br>Văn phòng chính phủ |
| Người đã sinh con đầu lòng | ●Về người con bạn đã sinh ra từ cuộc hôn nhân hiện tại<br>a. Khi bạn biết mình đang mang thai con đầu lòng | Khoanh tròn số đúng từ 1 đến 6<br>Nếu bạn khoanh tròn số từ 1 đến 4, chuyển đến ô bên phải |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | Chỉ với người đã khoanh tròn từ 1 đến 4 ở (1), hãy khoanh tròn số đúng            |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
|                            | b. Khi con đầu lòng được 1 tuổi                                                                            | 1 2 3 4 5 6                                                                                |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | 1 2 3 4 5 6 7                                                                     |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
| Người đã sinh con thứ 2    | c. Khi bạn biết mình đang mang thai con thứ 2                                                              | 1 2 3 4 5 6                                                                                |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | 1 2 3 4 5 6 7                                                                     |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
|                            | d. Khi con thứ 2 được 1 tuổi                                                                               | 1 2 3 4 5 6                                                                                |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | 1 2 3 4 5 6 7                                                                     |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
| Người đã sinh con thứ 3    | e. Khi bạn biết mình đang mang thai con thứ 3                                                              | 1 2 3 4 5 6                                                                                |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | 1 2 3 4 5 6 7                                                                     |                      |                      |                        |                        |                             |                          |
|                            | f. Khi con thứ 3 được 1 tuổi                                                                               | 1 2 3 4 5 6                                                                                |                                    |                                          |                                                                                                |                                     |                | 1 2 3 4 5 6 7                                                                     |                      |                      |                        |                        |                             |                          |

※1 Nếu bạn đang nghỉ thai sản hoặc nghỉ chăm sóc con, bạn sẽ được coi là đang làm việc. Vui lòng khoanh tròn tình trạng công việc trước khi nghỉ việc.  
 ※ Nếu bạn có từ 4 người con trở lên, bạn chỉ cần điền đến thông tin của người thứ 3.  
 ※ Nếu người con bạn đã sinh dưới 1 tuổi, bạn có thể để trống nhãn “Khi con được 1 tuổi”.

Câu.22 Từ khi sinh người con nhỏ nhất (con út) cho đến nay, (1) Bạn có làm việc (có thu nhập) không?  
 Nếu bạn có làm việc, vui lòng cho biết về (2) Hình thái việc làm, (3) Số lượng nhân viên và (4) Thời gian bắt đầu làm việc của công việc đó.  
 ※ Nếu bạn đã làm nhiều công việc khác nhau sau khi sinh người con út, vui lòng trả lời về công việc đầu tiên bạn làm.

| (1)Có hay không đi làm sau khi sinh người con nhỏ nhất (con út)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                        | (4)Thời gian bắt đầu làm việc                                                                          |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|---------------|------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|-------------------|--|---------------------------|--|------------------------|--|
| 1. Tôi đã trở lại công việc/nơi làm việc trước khi sinh con                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                        | Khi người con nhỏ nhất được (     ) tuổi<br><br>※Nếu trẻ dưới 1 tuổi thì là khi trẻ được (     ) tháng |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 2. Tôi đã có một công việc mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                        |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| <table> <tr> <th>(2)Hình thái việc làm</th> <th>(3)Số lượng nhân viên tại nơi làm việc</th> </tr> <tr> <td>1. Nhân viên chính quy</td> <td>1. 1đến9người</td> </tr> <tr> <td>2. Công việc bán thời gian/làm thê</td> <td>2. 10đến29người</td> </tr> <tr> <td>3. Nhân viên tạm thời/ủy thác/hợp đồng</td> <td>3. 30đến99người</td> </tr> <tr> <td>4. Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà</td> <td>4. 100đến299người</td> </tr> <tr> <td></td> <td>5. 300đến999người</td> </tr> <tr> <td></td> <td>6. Từ 1.000 người trở lên</td> </tr> <tr> <td></td> <td>7. Văn phòng chính phủ</td> </tr> </table> |                                        | (2)Hình thái việc làm                                                                                  | (3)Số lượng nhân viên tại nơi làm việc | 1. Nhân viên chính quy | 1. 1đến9người | 2. Công việc bán thời gian/làm thê | 2. 10đến29người | 3. Nhân viên tạm thời/ủy thác/hợp đồng | 3. 30đến99người | 4. Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà | 4. 100đến299người |  | 5. 300đến999người |  | 6. Từ 1.000 người trở lên |  | 7. Văn phòng chính phủ |  |
| (2)Hình thái việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | (3)Số lượng nhân viên tại nơi làm việc |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 1. Nhân viên chính quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1. 1đến9người                          |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 2. Công việc bán thời gian/làm thê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2. 10đến29người                        |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 3. Nhân viên tạm thời/ủy thác/hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3. 30đến99người                        |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 4. Người tự kinh doanh/người làm việc kinh doanh hộ gia đình/người làm thêm gia công tại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4. 100đến299người                      |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5. 300đến999người                      |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6. Từ 1.000 người trở lên              |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7. Văn phòng chính phủ                 |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 3. Tôi không đi làm sau khi sinh con út                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                        |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |
| 4. Hiện đang nghỉ sau khi sinh hoặc nghỉ chăm sóc con út                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                        |                                                                                                        |                                        |                        |               |                                    |                 |                                        |                 |                                                                                              |                   |  |                   |  |                           |  |                        |  |

● Tiếp theo, xin được hỏi về tình hình của giai đoạn chăm sóc người con bạn đã sinh từ cuộc hôn nhân hiện tại.

Câu.23 Cho đến khi con được 3 tuổi, vợ chồng bạn nhận được bao nhiêu sự giúp đỡ từ cha mẹ của hai bên trong việc nuôi con?  
Ngoài ra, tần suất chồng bạn làm việc nhà và chăm sóc con cái là ở mức nào? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn cho lần lượt là con đầu lòng, thứ 2 và thứ 3.

| Người con được hỏi | ↓ | (1)Mẹ của bạn (vợ)                                                                            | (2)Cha của bạn (vợ)  | (3)Mẹ chồng          | (4)Cha chồng      | (5)Chồng của bạn                                                                              |                       |                      |                      |                                                                                               |                 |  |  |
|--------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|--|
|                    |   |                                                                                               |                      |                      |                   | Tần suất làm việc nhà                                                                         | Tần suất chăm sóc con |                      |                      |                                                                                               |                 |  |  |
|                    |   | 1<br>Hầu như không có                                                                         | 2<br>Thỉnh thoảng có | 3<br>Thường xuyên có | 4<br>Có hàng ngày | 5<br>Đã qua đời                                                                               | 1<br>Hầu như không có | 2<br>Thỉnh thoảng có | 3<br>Thường xuyên có | 4<br>Có hàng ngày                                                                             | 5<br>Đã qua đời |  |  |
| Con đầu lòng       |   | ●Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn về người con bạn đã sinh ra từ cuộc hôn nhân hiện tại |                      |                      |                   | ●Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn về người con bạn đã sinh ra từ cuộc hôn nhân hiện tại |                       |                      |                      | ●Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn về người con bạn đã sinh ra từ cuộc hôn nhân hiện tại |                 |  |  |
| Con thứ 2          |   |                                                                                               |                      |                      |                   |                                                                                               |                       |                      |                      |                                                                                               |                 |  |  |
| Con thứ 3          |   |                                                                                               |                      |                      |                   |                                                                                               |                       |                      |                      |                                                                                               |                 |  |  |

※ Nếu bạn có từ 4 người con trở lên, bạn chỉ cần điền đến thông tin của người thứ 3.  
※ Nếu tình hình đã thay đổi trước khi con bạn được 3 tuổi, vui lòng cho biết những tình hình chính yếu.

Câu.24 Cho đến khi con bạn được 3 tuổi, (1) Bạn có sống cùng với mẹ mình và mẹ chồng không?  
Ngoài ra, (2) Bạn có sử dụng các chế độ hoặc tiện ích sau đây không? Vui lòng khoanh tròn số đúng với bạn cho con đầu lòng, thứ 2 và thứ 3.

| Người con được hỏi | ↓ | (1)Sống cùng/sống riêng với mẹ                                       |                                                  |                                      |                 | (2)Chế độ và tiện ích đã sử dụng             |                                    |                                       |                                                                      |                                                                         |                                                                       |                                     |                                                                                             |                                                               |                                                                                                               |                                  |                                                 |                                 |                                |                                                        |
|--------------------|---|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                    |   | Mẹ của bạn                                                           |                                                  | Mẹ chồng                             |                 |                                              |                                    |                                       |                                                                      |                                                                         |                                                                       |                                     |                                                                                             |                                                               |                                                                                                               |                                  |                                                 |                                 |                                |                                                        |
|                    |   | 1<br>Sống cùng                                                       | 2<br>Sống riêng trong cùng một thành phố, thị xã | 3<br>Sống riêng ở những khu vực khác | 4<br>Đã qua đời | 1<br>Chế độ nghỉ trước khi sinh/sau khi sinh | 2<br>Chế độ nghỉ chăm sóc con (vợ) | 3<br>Chế độ nghỉ chăm sóc con (chồng) | 4<br>Chế độ thời gian chăm sóc con/chế độ giờ làm việc rút ngắn (vợ) | 5<br>Chế độ thời gian chăm sóc con/chế độ giờ làm việc rút ngắn (chồng) | 6<br>Nhà trẻ được cấp phép (bao gồm các nhà trẻ nhỏ ở cơ sở cấp phép) | 7<br>Trường mầm non được chứng nhận | 8<br>Các cơ sở giữ trẻ trong văn phòng kinh doanh/doanh nghiệp giữ trẻ do công ty điều hành | 9<br>Giữ trẻ, nhà trẻ 24 giờ, v.v.) / nhà trẻ được chứng nhận | 10<br>Cơ sở giữ trẻ không được giấy phép khác (phòng giữ trẻ, nhà trẻ 24 giờ, v.v.) / nhà trẻ được chứng nhận | 11<br>Bảo mẫu (giữ trẻ gia đình) | 12<br>Người trông trẻ (bao gồm giữ trẻ tại nhà) | 13<br>Trung tâm hỗ trợ gia đình | 14<br>Dịch vụ giữ trẻ tạm thời | 15<br>Tối không sử dụng bất kỳ chế độ hay tiện ích nào |
| Con đầu lòng       |   | ●Vui lòng điền về người con bạn đã sinh ra từ cuộc hôn nhân hiện tại |                                                  |                                      |                 | Khoanh tròn tất cả số đúng với bạn           |                                    |                                       |                                                                      |                                                                         |                                                                       |                                     |                                                                                             |                                                               |                                                                                                               |                                  |                                                 |                                 |                                |                                                        |
| Con thứ 2          |   |                                                                      |                                                  |                                      |                 |                                              |                                    |                                       |                                                                      |                                                                         |                                                                       |                                     |                                                                                             |                                                               |                                                                                                               |                                  |                                                 |                                 |                                |                                                        |
| Con thứ 3          |   |                                                                      |                                                  |                                      |                 |                                              |                                    |                                       |                                                                      |                                                                         |                                                                       |                                     |                                                                                             |                                                               |                                                                                                               |                                  |                                                 |                                 |                                |                                                        |

※ Nếu bạn có từ 4 người con trở lên, bạn chỉ cần điền đến thông tin của người thứ 3.  
※ Nếu tình hình đã thay đổi trước khi con bạn được 3 tuổi, vui lòng cho biết những tình hình chính yếu.

● Xin được hỏi tất cả mọi người về cha mẹ và anh chị em của vợ chồng bạn.

Câu.25 Chúng tôi sẽ hỏi về những mục sau về cha mẹ của vợ chồng bạn (1) Năm sinh và tuổi, (2) Trường học mà họ đã tốt nghiệp gần đây nhất. Vui lòng khoanh tròn số đúng với họ và điền số vào ô gạch dưới.

|     | Mẹ của bạn (vợ)                                                                                                                                                                                                              | Cha của bạn (vợ)                                                                                                                                                                                                             | Mẹ chồng                                                                                                                                                                                                                     | Cha chồng                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | [1.Taisho 2.Showa 3.Dương lịch ]<br><br>Sinh năm _____ (tròn _____ tuổi)                                                                                                                                                     | [1.Taisho 2.Showa 3.Dương lịch ]<br><br>Sinh năm _____ (tròn _____ tuổi)                                                                                                                                                     | [1.Taisho 2.Showa 3.Dương lịch ]<br><br>Sinh năm _____ (tròn _____ tuổi)                                                                                                                                                     | [1.Taisho 2.Showa 3.Dương lịch ]<br><br>Sinh năm _____ (tròn _____ tuổi)                                                                                                                                                     |
|     | ※ Bạn chỉ cần điền tuổi tròn cho người còn sống.                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| (2) | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT<br>3. Trường dạy nghề chuyên nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt nghiệp THPT)<br>4. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ thuật<br>5. Trường đại học<br>6. Chương trình sau đại học<br>7. Khác ( ) | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT<br>3. Trường dạy nghề chuyên nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt nghiệp THPT)<br>4. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ thuật<br>5. Trường đại học<br>6. Chương trình sau đại học<br>7. Khác ( ) | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT<br>3. Trường dạy nghề chuyên nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt nghiệp THPT)<br>4. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ thuật<br>5. Trường đại học<br>6. Chương trình sau đại học<br>7. Khác ( ) | 1. Trường THCS<br>2. Trường THPT<br>3. Trường dạy nghề chuyên nghiệp/chuyên môn (sau khi tốt nghiệp THPT)<br>4. Trường đại học ngắn hạn/cao đẳng kỹ thuật<br>5. Trường đại học<br>6. Chương trình sau đại học<br>7. Khác ( ) |
|     | ※ Đối với các trường tiểu học cao đẳng, trường tiểu học hệ thống cũ, vui lòng xem là tốt nghiệp trung học cơ sở. Đối với các trường nữ sinh cao đẳng hệ thống cũ, vui lòng xem là tốt nghiệp trung học phổ thông.            |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |

Câu.26 Vui lòng khoanh tròn từng số đúng với bạn liên quan đến việc sống cùng/sống riêng với cha mẹ của vợ chồng bạn.

|                                                    |       | (1)Mẹ của bạn (vợ)                        | (2)Cha của bạn (vợ)                       | (3)Mẹ chồng                               | (4)Cha chồng                              |
|----------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Giai đoạn được hỏi<br>⇓                            |       | 1<br>Sống cùng                            | 1<br>Sống cùng                            | 1<br>Sống cùng                            | 1<br>Sống cùng                            |
|                                                    |       | 2<br>Chỉ xa                               | 2<br>Chỉ xa                               | 2<br>Chỉ xa                               | 2<br>Chỉ xa                               |
|                                                    |       | 3<br>Sống riêng trong cùng một thành phố, | 3<br>Sống riêng trong cùng một thành phố, | 3<br>Sống riêng trong cùng một thành phố, | 3<br>Sống riêng trong cùng một thành phố, |
|                                                    |       | 4<br>Đã qua đời                           | 4<br>Đã qua đời                           | 4<br>Đã qua đời                           | 4<br>Đã qua đời                           |
| Vui lòng khoanh tròn từng số đúng với bạn ở mỗi ô. |       |                                           |                                           |                                           |                                           |
| a . Khi đã quyết định cuộc hôn nhân hiện tại       | Bạn   | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   |                                           |                                           |
|                                                    | Chồng |                                           |                                           | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   |
| b . Ngay sau khi kết hôn                           |       | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   |
| c . Hiện tại                                       |       | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   | 1 2 3 4                                   |

Câu.27 Vui lòng điền số anh chị em của vợ chồng bạn trong ô gạch dưới (không bao gồm những người đã qua đời).

|       |                                         |                                  |                            |                            |                            |                            |
|-------|-----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Bạn   | Tổng cộng bao gồm cả bạn<br>( ) người   | Chi tiết số anh chị em của bạn   | Anh trai ( ) người         | Chị gái ( ) người          | Em trai ( ) người          | Em gái ( ) người           |
|       |                                         |                                  | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 |
| Chồng | Tổng cộng bao gồm cả chồng<br>( ) người | Chi tiết số anh chị em của chồng | Anh trai ( ) người         | Chị gái ( ) người          | Em trai( ) người           | Em gái( ) người            |
|       |                                         |                                  | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 | Nếu không có ai thì điền 0 |

● Xin được hỏi tất cả mọi người.

Câu.28 Có nhiều cách suy nghĩ khác nhau về kết hôn, quan hệ nam nữ, gia đình và việc có con, dưới đây là một số ví dụ về cách suy nghĩ từ ① đến ⑭. Bản thân bạn nghĩ thế nào về từng cách suy nghĩ này? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn vào từng ô bên phải.

※ Câu hỏi này sử dụng cách diễn đạt khẳng định để giúp bạn dễ dàng đưa ra lập trường tán thành hay phản đối.  
Ngoài ra cũng bao gồm cách suy nghĩ không nhất thiết phải phổ biến.

|                                                                                                                                      | (Với cách suy nghĩ bên trái)  |                           |                          |                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------|
|                                                                                                                                      | 1<br>Hoàn toàn tán<br>thành   | 2<br>Có phần tán<br>thành | 3<br>Có phần phản<br>đối | 4<br>Hoàn toàn phản<br>đối |
|                                                                                                                                      | Khoanh tròn 1 số cho từng câu |                           |                          |                            |
| ① Sống độc thân suốt đời không phải là lối sống nên có                                                                               | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ② Nếu nam nữ chung sống thì nên kết hôn                                                                                              | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ③ Nam nữ yêu nhau thì quan hệ tình dục trước hôn nhân cũng không sao                                                                 | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ④ Mọi xã hội đều cần có một mức độ nữ tính và nam tính nhất định                                                                     | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑤ Ngay cả sau khi kết hôn, vẫn nên có những mục tiêu riêng cho bản thân trong cuộc sống, tách biệt với đối tượng kết hôn và gia đình | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑥ Khi kết hôn, đương nhiên phải hy sinh một nửa cá tính và lối sống của mình vì gia đình                                             | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑦ Sau khi kết hôn, người chồng nên đi làm bên ngoài và người vợ nên chăm sóc gia đình                                                | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑧ Khi đã kết hôn thì nên có con                                                                                                      | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑨ Các bà mẹ nên ở nhà và không đi làm, ít nhất là trong khi con mình còn nhỏ                                                         | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑩ Một khi đã kết hôn thì không nên chia tay chỉ vì những khác biệt về tính cách                                                      | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑪ Dù chưa kết hôn nhưng có con vẫn được                                                                                              | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑫ Đối với đàn ông đã kết hôn, thời gian dành cho gia đình quan trọng hơn thành công trong công việc                                  | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑬ Phụ nữ nên sinh con đầu lòng ở độ tuổi 20 đến 29 tuổi                                                                              | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |
| ⑭ Kết hôn giữa nam với nam và kết hôn giữa nữ với nữ cũng không sao                                                                  | 1                             | 2                         | 3                        | 4                          |

Câu.29 Chúng tôi sẽ hỏi về tình hình xung quanh bạn cho đến trước khi kết hôn. Đối với ① đến ③ sau đây, vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn vào từng ô bên phải. Nếu không có (hoặc đã không có) đối tượng tương ứng với mục trong câu hỏi, vui lòng khoanh tròn số 5.

|                                                                           | (Với tình hình bên trái)      |                   |                         |                 |                      |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------|----------------------|
|                                                                           | 1<br>Đúng                     | 2<br>Có phần đúng | 3<br>Có phần không đúng | 4<br>Không đúng | 5<br>Không liên quan |
|                                                                           | Khoanh tròn 1 số cho từng câu |                   |                         |                 |                      |
| ① Tôi (đã) thường có cơ hội tương tác với em bé và trẻ nhỏ                | 1                             | 2                 | 3                       | 4               | —                    |
| ② Tôi ngưỡng mộ mối quan hệ vợ chồng như của cha mẹ                       | 1                             | 2                 | 3                       | 4               | 5                    |
| ③ Khi nhìn bạn bè quanh mình đã kết hôn, tôi nghĩ họ trông thật hạnh phúc | 1                             | 2                 | 3                       | 4               | 5                    |

Tình hình xung quanh cho đến trước khi kết hôn

● Xin được hỏi tất cả mọi người.

Câu.30 Tình trạng sức khỏe hiện tại của bạn và chồng bạn thế nào? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với các bạn.

|       |        |             |                |                  |              |
|-------|--------|-------------|----------------|------------------|--------------|
| Bạn   | 1. Tốt | 2. Cũng tốt | 3. Bình thường | 4. Không tốt lắm | 5. Không tốt |
| Chồng | 1. Tốt | 2. Cũng tốt | 3. Bình thường | 4. Không tốt lắm | 5. Không tốt |

Câu.31 Vui lòng cho biết về chiều cao, cân nặng và thói quen hút thuốc hiện tại của bạn và chồng bạn.

|       |                                   |                                  |                                                                     |
|-------|-----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Bạn   | Chiều cao <input type="text"/> cm | Cân nặng <input type="text"/> kg | Thói quen hút thuốc ( 1. Chưa 2. Trước đây có hút 3. Hiện nay hút ) |
| Chồng | Chiều cao <input type="text"/> cm | Cân nặng <input type="text"/> kg | Thói quen hút thuốc ( 1. Chưa 2. Trước đây có hút 3. Hiện nay hút ) |

※ Nếu bạn hiện đang mang thai, vui lòng điền cân nặng trước khi mang thai.

Câu.32 Tại thời điểm kết hôn, vợ chồng bạn dự định sẽ có tổng cộng bao nhiêu con? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với các bạn và điền số người vào ô gạch dưới nếu muốn có từ 5 người trở lên.

|                                   |                                 |                                |
|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 0. Chúng tôi không dự định có con | 3. 3 người                      | 6. Chúng tôi không nghĩ gì đặc |
| 1. 1 người                        | 4. 4 người                      |                                |
| 2. 2 người                        | 5. Từ 5 người trở lên ( ) người |                                |

● Xin được hỏi về tình hình trước cuộc hôn nhân hiện tại của bạn và chồng bạn.

Câu.33 Bạn có sinh con trước cuộc hôn nhân hiện tại không? Vui lòng khoanh tròn 1 số đúng với bạn và nếu bạn có con, vui lòng cho biết năm tháng sinh của đứa trẻ đó và hiện tại bạn có đang sống cùng chúng hay không.

| Bạn | (1)Số con bạn đã sinh trước cuộc hôn nhân hiện tại | (2)Năm tháng sinh của con bạn                                                     | (3)Hiện bạn có đang sống cùng người con đó không? |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|     | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                      |                                                                                   |                                                   |
|     | 0. Không có con                                    | Người thứ nhất [ 1.Showa 2.Heisei 3.Reiwa 4.Dương lịch ]<br>Năm _____ tháng _____ | 1. Sống cùng<br>2. Sống riêng/Khác                |
|     | 1. 1 người                                         | Người thứ 2 [ 1.Showa 2.Heisei 3.Reiwa 4.Dương lịch ]<br>Năm _____ tháng _____    | 1. Sống cùng<br>2. Sống riêng/Khác                |
|     | 2. 2 người                                         | Người thứ 3 [ 1.Showa 2.Heisei 3.Reiwa 4.Dương lịch ]<br>Năm _____ tháng _____    | 1. Sống cùng<br>2. Sống riêng/Khác                |

※ Nếu bạn có từ 4 người con trở lên, bạn chỉ cần điền đến thông tin của người thứ 3.

| Chồng | (1)Số con (con ruột) đã có trước cuộc hôn nhân hiện tại | (2) Số con hiện đang sống cùng trong số câu trả lời ở ô bên trái |
|-------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|       | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                           | Khoanh tròn 1 số đúng với bạn                                    |
|       | 0. Không có con                                         | 0. Không có                                                      |
|       | 1. 1 người                                              | 1. 1 người                                                       |
|       | 2. 2 người                                              | 2. 2 người                                                       |

● Xin được hỏi những người đã tái hôn.  
Nếu bạn không có kinh nghiệm tái hôn, cuộc điều tra kết thúc tại đây. Vui lòng chuyển đến ô ý kiến ở phía dưới.

Câu.34 Vui lòng khoanh tròn số đúng với bạn và điền năm tháng cho lần kết hôn đầu tiên của bạn.

|                                                                     |                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| (1)Năm tháng bắt đầu cuộc sống hôn nhân đầu tiên                    | (2)Năm tháng mà bạn ngừng sống cùng hoặc trở thành góa bụa          |
| [ 1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch ]<br>_____Năm_____tháng | [ 1. Showa 2. Heisei 3. Reiwa 4. Dương lịch ]<br>_____Năm_____tháng |

● Trên đây là tất cả câu hỏi. Dưới đây là ô mô tả tùy ý (nếu bạn không có ý kiến, v.v. thì cứ để trống).

Có chính sách nào các bạn muốn áp dụng hoặc cải thiện qua trải nghiệm kết hôn, sinh con và nuôi con không?Ngoài ra, bạn có ý kiến, v.v. gì về kết hôn, sinh con, nuôi con, các vấn đề dân số, v.v. không?Vui lòng điền tùy ý vào ô bên dưới.

Ngoài ra, còn phần nào trong cuộc điều tra này dùng từ ngữ khó hiểu hoặc khó trả lời không?Vui lòng điền tùy ý vào ô dưới đây vì ý kiến của bạn sẽ giúp chúng tôi cải thiện các cuộc điều tra trong tương lai.

Cảm ơn sự hợp tác của bạn.  
Vui lòng cho bảng điều tra đã trả lời vào phong bì dùng cho thu lại bảng điều tra, dán mép lại và đưa cho điều tra viên.  
Phong bì sẽ được chuyển đến Viện nghiên cứu quốc gia về an sinh xã hội và các vấn đề dân số và không được mở trong suốt quá trình này.

※ Chúng tôi xin chân thành cảm ơn thời gian quý báu của bạn.Kết quả của cuộc điều tra này sẽ được sử dụng để cải thiện cuộc sống của người dân thông qua phân tích thống kê tại viện nghiên cứu của chúng tôi.Lưu ý, chúng tôi có giới thiệu kết quả trước đây trên trang web dành cho đối tượng tham gia cuộc điều tra (URL được ghi trong phần "Yêu cầu hợp tác điều tra").

# § Giải th í ch về cuộc điều tra

◇ Điều tra toàn quốc về kết hôn và sinh con (điều tra cơ bản về xu hướng sinh con) là gì?

Cuộc điều tra này là cuộc điều tra mẫu trên toàn quốc nhằm tìm hiểu về tình trạng kết hôn, sinh con và nuôi con của người dân và được tiến hành khoảng 5 năm một lần.Lần này là lần thứ 17. Có 2 loại điều tra: một loại dành cho các cặp vợ chồng và một loại dành cho người độc thân.

◇ Mục đích điều tra

Khi thực hiện các chính sách khác nhau, nhà nước và chính quyền địa phương phải hiểu được tình hình và các vấn đề mà người dân đang phải đối mặt.Mục đích chính của cuộc điều tra này là nắm bắt tình hình kết hôn, sinh con và nuôi con của người dân và tìm ra các thách thức về chính sách liên quan đến những vấn đề này từ lập trường khoa học xã hội.Đặc biệt, Nhật Bản hiện đang phải trải qua tình trạng tỷ lệ sinh giảm và người ta chỉ ra rằng tình trạng suy giảm dân số, già hóa dân số và những thay đổi trong lối sống của mỗi cá nhân sẽ có tác động lớn đến xã hội Nhật Bản trong tương lai.Một trong những thách thức quan trọng của cuộc điều tra này là tìm hiểu hiện trạng tỷ lệ sinh giảm và xác định nguyên nhân của tình trạng này.

◇ Đối tượng tham gia điều tra

Cuộc điều tra này nhắm vào những người sống ở các khu vực được chọn ngẫu nhiên trên toàn quốc, với các bảng điều tra riêng biệt được chuẩn bị cho hai nhóm sau đây:

[Bảng điều tra dành cho người đã kết hôn]

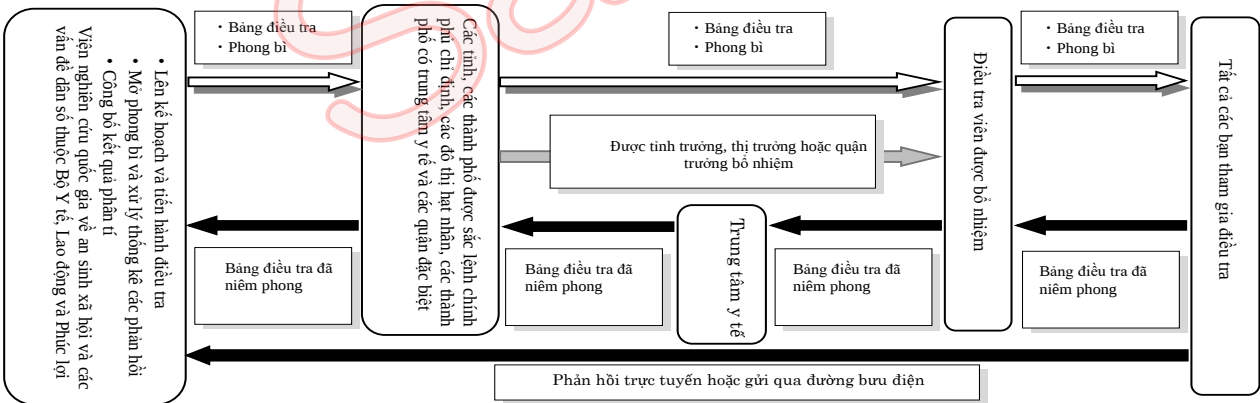
Đối tượng là tất cả phụ nữ dưới 55 tuổi đã kết hôn tính đến ngày 30 tháng 6, bất kể họ đã đăng ký kết hôn hay chưa.

[Bảng điều tra dành cho người độc thân]

Đối tượng là tất cả những người độc thân (nam và nữ) từ 18 đến dưới 55 tuổi tính đến ngày 30 tháng 6.

◇ Cơ chế điều tra

Cuộc điều tra này do Viện nghiên cứu quốc gia về an sinh xã hội và các vấn đề dân số (cơ quan nghiên cứu quốc gia trực thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi) phối hợp với nhà nước, các tỉnh (hoặc các thành phố được sắc lệnh chính phủ chỉ định, các đô thị hạt nhân, các thành phố có trung tâm y tế và các quận đặc biệt), các trung tâm y tế địa phương để tiến hành với sự phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Truyền thông căn cứ theo Luật thống kê.Cuộc điều tra sẽ được tiến hành bởi các điều tra viên do tỉnh trưởng (hoặc thị trưởng, quận trưởng) chỉ định. Phương pháp thực hiện là điều tra viên đến nhà các bạn, phân phát bảng điều tra, v.v. và thu thập câu trả lời trực tuyến hoặc bằng điều tra đã điền (được bỏ trong phong bì niêm phong).



◇ Về quyền riêng tư và bảo vệ thông tin cá nhân

Mọi phản hồi cho bảng điều tra này sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích biên soạn thống kê và mọi mục đích sử dụng khác đều bị pháp luật gọi là “Luật thống kê” nghiêm cấm.Các bảng điều tra mà các bạn đã trả lời và niêm phong trong phong bì dùng cho thu lại bảng điều tra sẽ được điều tra viên thu lại, chuyển đến Viện nghiên cứu quốc gia về an sinh xã hội và các vấn đề dân số trong tình trạng không được mở ra. Sau đó chúng sẽ được bảo quản dưới sự quản lý an ninh nghiêm ngặt.Mọi thông tin nhận dạng cá nhân sẽ được loại trừ trong quá trình biên soạn số liệu thống kê.Do đó, tuyệt đối không có nguy cơ thông tin cá nhân bị rò rỉ.

◇ Các thắc mắc khác

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào về cách trả lời, vui lòng liên hệ với tổng đài của chúng tôi. Để biết thông tin chi tiết về cuộc khảo sát, kết quả khảo sát cho đến nay và các câu hỏi thường gặp, chúng tôi đã thiết lập một trang web dành cho người trả lời liên quan đến "Điều tra cơ bản về xu hướng sinh con lần".Vui lòng tham khảo "Yêu cầu hợp tác".

**Việc biên soạn thống kê chính thức bao gồm điều tra toàn quốc về kết hôn và sinh con (điều tra cơ bản về xu hướng sinh con) được thực hiện theo Luật thống kê**

- ◆ Luật thống kê là một bộ quy tắc nhằm phát triển số liệu thống kê như một cơ sở hạ tầng thông tin cần thiết cho xã hội.
- ◆ Luật thống kê giúp cải thiện đời sống của người dân thông qua việc phát triển các số liệu thống kê hữu ích.
- ◆ Kết quả của cuộc điều tra toàn quốc về kết hôn và sinh con (điều tra cơ bản về xu hướng sinh con) được nhà nước và chính quyền địa phương sử dụng để cung cấp các chính sách và dịch vụ.

**Thông tin cá nhân sẽ được bảo mật nghiêm ngặt**

- ◆ Trong cuộc điều tra toàn quốc về kết hôn và sinh con (điều tra cơ bản về xu hướng sinh con), thông tin cá nhân được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của Luật thống kê.
- ◆ Thông tin được ghi trên phiếu điều tra sẽ được bảo mật nghiêm ngặt và chỉ được sử dụng cho mục đích biên soạn thống kê. Luật thống kê nghiêm cấm việc sử dụng dữ liệu cho bất kỳ mục đích nào khác.